

BÁO CÁO

**Về việc tiếp thu, bổ sung, giải trình ý kiến thẩm tra của
Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện các Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh: số 168/BC-HĐND ngày 30/11/2021 về dự thảo Nghị quyết phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Bắc Kạn; số 176/BC-HĐND ngày 30/11/2021 về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi đặc thù từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; số 180/BC-HĐND ngày 30/11/2021 về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách mới bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn; số 197/BC-HĐND ngày 30/11/2021 về tình hình thực hiện ngân sách năm 2021, dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2022, xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm giai đoạn 2022-2024 và số 198/BC-HĐND ngày 30/11/2021 về dự thảo Nghị quyết phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương.

Trên cơ sở tham mưu tổng hợp, báo cáo của cơ quan chuyên môn, UBND tỉnh tiếp thu toàn bộ nội dung, ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh tại các Báo cáo thẩm tra và bổ sung, giải trình một số nội dung như sau:

1. Báo cáo thẩm tra số 168/BC-HĐND ngày 30/11/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh về dự thảo Nghị quyết phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2020

Ý kiến thẩm tra: Đề nghị làm rõ nội dung, nguyên nhân số kinh phí phải nộp trả ngân sách Trung ương (nêu rõ số kinh phí hết nhiệm vụ chi; số kinh phí thực hiện chậm của từng chương trình, nhiệm vụ, dự án).

Ủy ban nhân dân tỉnh giải trình, làm rõ như sau:

Tổng kinh phí nộp trả ngân sách Trung ương của ngân sách cấp tỉnh là 41.852 triệu đồng, trong đó:

1. Số kinh phí chưa phân bổ, không có nhiệm vụ chi, còn dư tại ngân sách cấp tỉnh: 6.565 triệu đồng.
2. Số kinh phí đã phân bổ, hết nhiệm vụ chi: 22.361 triệu đồng.
3. Kinh phí đã phân bổ, còn dư do các nguyên nhân khác: 12.926 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu kèm theo)

2. Báo cáo thẩm tra số 176/BC-HĐND ngày 30/11/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi đặc thù từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Ý kiến thẩm tra đề nghị thay thế cụm từ “dịch bệnh Covid-19” thành “dịch Covid-19”. Đồng thời, để đảm bảo nghị quyết ngắn gọn, rõ ràng, Ban đề nghị “chỉnh sửa lại bố cục như dự thảo nghị quyết kèm theo Báo cáo thẩm tra”.

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến và thống nhất với dự thảo Nghị quyết của Ban Kinh tế-Ngân sách.

3. Báo cáo thẩm tra số 180/BC-HĐND ngày 30/11/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn

3.1. Ý kiến thẩm tra đề nghị UBND tỉnh bổ sung báo cáo làm rõ việc xây dựng định mức phân bổ chi quản lý hành chính nhà nước, đảng đoàn thể, chi sự nghiệp giáo dục, khoa học công nghệ, văn hóa thông tin, thể dục thể thao,... tính cho 01 biên chế chia làm 03 nhóm như đã nêu trên, trong Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND ngày 06/11/2016 của HĐND tỉnh quy định cho giai đoạn trước chia làm 04 nhóm (từ 31 biên chế trở lên; từ 21-30 biên chế; từ 11-20 biên chế và từ 10 biên chế trở xuống). Đề nghị UBND tỉnh báo cáo số cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp và số biên chế của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp quy định tại Điều 4 và Điều 6 của quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết làm cơ sở cho đại biểu xem xét, quyết định xếp số lượng biên chế theo nhóm cho phù hợp với thực tiễn.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo làm rõ như sau:

Tại thời điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh quyết định biên chế công chức; phê duyệt tổng số người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2021 để chia nhóm biên chế của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 4 và điểm b, khoản 2 Điều 6 của quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết, cụ thể số lượng đơn vị được chia theo nhóm:

- Số cơ quan quản lý nhà nước (cấp tỉnh) là 19 đơn vị, trong đó:

+ Đơn vị có từ 20 biên chế trở xuống: 02 đơn vị (*Ban Dân tộc tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh*);

+ Đơn vị có từ 21 đến 34 biên chế: 08 đơn vị (*Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Thanh tra tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Sở Công Thương, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội*);

+ Đơn vị có từ 35 biên chế trở lên: 09 đơn vị (*Gồm các Sở: Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế*).

- Số đơn vị sự nghiệp văn hóa, thể dục và thể thao; sự nghiệp kinh tế; sự nghiệp thông tin và truyền thông; sự nghiệp môi trường; sự nghiệp khoa học và công nghệ; sự nghiệp khác nằm trong khối Sở, Ngành và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh là 34 đơn vị, trong đó:

+ Đơn vị có từ 20 biên chế trở xuống: 26 đơn vị (*gồm các đơn vị trực thuộc các Sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*);

+ Đơn vị có từ 21 đến 34 biên chế: 02 đơn vị (*gồm các đơn vị trực thuộc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*);

+ Đơn vị có từ 35 biên chế trở lên: 06 đơn vị (*gồm các đơn vị trực thuộc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể, Đài Phát thanh và Truyền hình, Trường Cao đẳng Bắc Kạn*).

3.2. Ý kiến thẩm tra đề nghị bỏ căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các căn cứ không phải là căn cứ trực tiếp, như dự thảo Nghị quyết kèm theo Báo cáo thẩm tra.

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và thống nhất với dự thảo Nghị quyết như ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách.

4. Báo cáo thẩm tra số 197/BC-HĐND ngày 30/11/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh về tình hình thực hiện ngân sách năm 2021, dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2022, xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm giai đoạn 2022-2024

UBND tỉnh tiếp thu các ý kiến, kiến nghị và thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh kèm theo Báo cáo thẩm tra số 197/BC-HĐND ngày 30/11/2021.

5. Báo cáo số 198/BC-HĐND ngày 30/11/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh về thẩm tra dự thảo Nghị quyết phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương

5.1. Ý kiến thẩm tra: Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục có ý kiến với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để bổ sung tăng vốn vay lại năm 2022 cho tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và báo cáo làm rõ một số nội dung như sau: Nhu cầu vốn ODA vay lại của tỉnh năm 2022 là 49.883 triệu đồng, tuy nhiên tại Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022, tổng số vốn vay lại trong năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn là 16.000 triệu đồng (gồm: vay để trả nợ gốc là 8.500 triệu đồng, vay để bù đắp bội chi ngân sách là 7.500 triệu đồng), còn thiếu 33.883 triệu đồng so với nhu cầu vay lại của tỉnh Bắc Kạn. Đối với vốn ODA vay lại còn thiếu năm 2022 (số vốn 33.883 triệu đồng), UBND tỉnh Bắc Kạn đã có Công văn số 7472/UBND-TH ngày

06/11/2021 đề nghị Bộ Tài chính điều chỉnh tăng số vốn vay lại năm 2022 cho tỉnh, trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ tiếp tục đề nghị với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung số vốn ODA vay lại năm 2022 còn thiếu cho tỉnh để đủ điều kiện giải ngân số vốn ODA cấp phát năm 2022 là 394.552 triệu đồng đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo.

5.2. Ý kiến thẩm tra: Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các Chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện các thủ tục quyết toán dự án (12 dự án thực hiện trong năm 2019 – 2020) đã hoàn thành theo quy định.

Tiếp thu ý kiến thẩm tra, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị có liên quan hoàn thành việc quyết toán dự án ngay trong năm 2022, đảm bảo theo quy định.

5.3. Ý kiến thẩm tra: Còn 18 dự án khởi công trong năm 2021, 2022 chưa có quyết định đầu tư dự án (sử dụng nguồn vốn NSTW), do đó đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các Chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo quy định.

Tiếp thu ý kiến thẩm tra, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện thủ tục, thẩm định, phê duyệt dự án và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công nguồn vốn NSTW năm 2022 cho các dự án khởi công mới đảm bảo đủ điều kiện theo đúng quy định của Luật đầu tư công.

5.4. Ý kiến thẩm tra: Đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh dự thảo Nghị quyết theo như dự thảo nghị quyết kèm theo báo cáo thẩm tra của Ban.

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và thống nhất với dự thảo Nghị quyết của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh để các đại biểu HĐND tỉnh có cơ sở xem xét, quyết định thông qua các Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở KHĐT;
- LĐVP (Ô Chính, Ô Nguyên);
- Lưu: VT, Mai Anh, Lan.

Stuat

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đ Bình

Nguyễn Đăng Bình

BIỂU THUYẾT MINH NGUỒN KẾT DƯ CHUYỂN TRẢ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 748 /BC-UBND ngày 04/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Nội dung báo cáo, giải trình
	Tổng cộng	41.852	
A	Kinh phí chưa phân bổ, không có nhiệm vụ chi, còn dư tại ngân sách cấp tỉnh	6.565	
I	Vốn đầu tư	433	
1	Kinh phí CTMTQG xây dựng nông thôn mới	433	<p>Ngày 17/7/2019, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND về phân bổ vốn dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn (nguồn vốn cân đối ngân sách) và phương án phân bổ vốn dự phòng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, trong đó giao 8.000 triệu đồng để thực hiện dự án xây dựng đường trục chính giao thông nông thôn nội đồng vùng cam, quýt cho Hợp tác xã nông nghiệp năm 2019-2020. Tuy nhiên, ngày 15/6/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1079/QĐ-UBND phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng đường trục chính giao thông nông thôn nội đồng vùng cam, quýt cho hợp tác xã nông nghiệp năm 2019-2020, với tổng mức đầu tư là 9.460 triệu đồng, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 7.567 triệu đồng, tương ứng 80% tổng mức đầu tư, số còn dư là 433 triệu đồng, số kinh phí còn dư Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không đề xuất phương án xử lý; mặt khác đây là vốn dự phòng theo quy định của Trung ương chi được phân bổ cho 03 nội dung: Đề án đặc thù, thôn nông thôn mới và hỗ trợ Hợp tác xã, theo quy định việc điều chỉnh phải báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh. Tại Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19 “<i>Trước ngày 30 tháng 6 năm 2020, hoàn thành việc giao chi tiết kế hoạch Đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2020 cho các dự án</i>”, do đó Sở Kế hoạch và Đầu tư không tham mưu cho UBND tỉnh điều chỉnh, phân bổ số kế hoạch vốn còn dư nêu trên và hoàn trả về Trung ương.</p>
II	Vốn sự nghiệp	6.132	

STT	Nội dung	Số tiền	Nội dung báo cáo, giải trình
1	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội thuộc lĩnh vực giáo dục năm 2020	5.852	Khi tổng hợp nhu cầu kinh phí để báo cáo Bộ Tài chính, các địa phương lập dự toán không sát, cao hơn so với nhu cầu thực tế, sau khi Bộ Tài chính bổ sung kinh phí cho tỉnh Bắc Kạn thực hiện, các địa phương không có nhu cầu, dẫn đến dư kinh phí, phải hoàn trả về ngân sách Trung ương
2	Kinh phí hỗ trợ an ninh, quốc phòng	280	Năm 2020, Bộ Tài chính bổ sung kinh phí cho tỉnh Bắc Kạn hỗ trợ các xã trọng điểm về an ninh, quốc phòng, với số tiền 7.840 triệu đồng, cho 56 xã, cao hơn so với nhu cầu thực tế của tỉnh. Sau khi phân bổ cho các xã thuộc diện được hỗ trợ (54 xã), tỉnh còn dư kinh phí, hoàn trả về ngân sách Trung ương
B	Kinh phí đã phân bổ, hết nhiệm vụ chi	22.361	
I	Vốn đầu tư	18.249	
1	Nguồn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu	5.769	
	Dự án Mở rộng, nâng cấp ĐT 254, tỉnh Bắc Kạn (chủ đầu tư là Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh)	1.752	Kinh phí còn dư sau quyết toán, thừa vốn, nguyên nhân do quá trình khảo sát, thiết kế, lập dự toán chưa sát, dẫn đến tổng mức đầu tư được phê duyệt cao hơn nhu cầu thực tế
	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng các xã CT229 huyện Na Rì, Bạch Thông tỉnh Bắc Kạn (chủ đầu tư là Bộ chỉ huy quân sự tỉnh)	3.519	
	Dự án Đầu tư hạ tầng các khu dân cư đồng bào Mông, tỉnh Bắc Kạn (chủ đầu tư là Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh)	5	
	Dự án Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước hướng tới xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015-2020 (chủ đầu tư là Trung tâm công nghệ thông tin và TT)	268	Dự án giảm quy mô so với tổng mức đầu tư được phê duyệt, dẫn đến thừa vốn
	Dự án Bảo vệ phát triển rừng huyện Chợ Đồn giai đoạn 2011-2020 (chủ đầu tư là UBND huyện Chợ Đồn)	106	Kinh phí hết nhiệm vụ chi, thừa vốn sau quyết toán
	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng Vườn quốc gia Ba Bể (chủ đầu tư là Ban QL Vườn quốc gia Ba Bể)	28	
	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng huyện Ba Bể (chủ đầu tư là UBND huyện Ba Bể)	66	
	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bắc Kạn giai đoạn 2011-2020 (chủ đầu tư là Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bắc Kạn)	24	

STT	Nội dung	Số tiền	Nội dung báo cáo, giải trình
2	Nguồn trái phiếu Chính phủ	5.989	Thuộc Dự án Kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa các huyện sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020, do quá trình khảo sát, thiết kế, lập dự toán chưa sát, dẫn đến tổng mức đầu tư được phê duyệt cao hơn nhu cầu thực tế, thừa vốn sau quyết toán (chủ đầu tư là Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh)
3	Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2018	6.406	
	Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cầu đoạn qua khu dân cư tổ 2 thị trấn Chợ Mới tỉnh Bắc Kạn (chủ đầu tư là UBND huyện Chợ Mới)	4.436	Ngày 29/10/2020, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 9052/VPCP-KTTH đồng ý chuyển số vốn 14,963 tỷ đồng của dự án di dời khẩn cấp 16 hộ dân thôn Phiêng Liêng 2, xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn sang bố trí cho dự án kè chống sạt lở bờ sông Cầu đoạn qua khu dân cư tổ 2, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, trên cơ sở đó các đơn vị mới triển khai các thủ tục đầu tư và tổ chức thực hiện theo quy định. Do nguồn vốn này chỉ được phép giải ngân đến ngày 31/12/2020, thời gian thực hiện ngắn nên không kịp giải ngân hết số vốn được giao. (Quyết định số 2007/QĐ-UBND ngày 06/11/2020; Quyết định số 2172/QĐ-UBND ngày 26/11/2020), trong khi thời hạn giải ngân đến ngày 31/12/2020 nên chủ đầu tư không kịp thực hiện, giải ngân nguồn vốn
	Dự án Kè chống xói lở xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (mới) (chủ đầu tư là Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh)	821	Dự án được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2018 tại Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018, số kế hoạch vốn giao là 45.000 triệu đồng. Ngay khi được giao kế hoạch vốn, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã chỉ đạo chủ đầu tư triển khai các thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công. Dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn phê duyệt đầu tư tại Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 08/8/2019, tổng mức đầu tư được duyệt là 45.000 triệu đồng. Chủ đầu tư đã tích cực triển khai thực hiện, đến nay đã hoàn thành, tiến độ thực hiện dự án đã thi công hoàn thiện 100% khối lượng theo hợp đồng giải ngân. Lũy kế vốn đã giải ngân 44.179/45.000 triệu đồng, đạt 98% kế hoạch. Trong đó, số kế hoạch vốn 2018 kéo dài là 4.500 triệu đồng, đã giải ngân 3.679 triệu đồng. Số kế hoạch vốn chưa giải ngân 821 triệu đồng chờ phê duyệt quyết toán, UBND tỉnh có Công văn số 1263/UBND-TH ngày 08/3/2021 đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài thời gian giải ngân vốn nhưng Thủ tướng Chính phủ không đồng ý.
	Dự án Sửa chữa cấp bách Hồ chứa nước Bàn Cờn, xã Nông Thịnh, huyện Chợ Mới (chủ đầu tư là Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh)	374	
	Dự án Sửa chữa cấp bách Hồ chứa nước Sum Ngược, xã Văn Học, huyện Na Rì (chủ đầu tư là Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh)	440	Kinh phí còn dư sau quyết toán, thừa vốn, nguyên nhân do quá trình khảo sát, thiết kế, lập dự toán chưa sát, dẫn đến tổng mức đầu tư được phê duyệt cao hơn nhu cầu thực tế

STT	Nội dung	Số tiền	Nội dung báo cáo, giải trình
	Dự án Sửa chữa cấp bách Hồ chứa nước Khuổi Khe, xã Kim Lư, huyện Na Rì (chủ đầu tư là Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh)	335	
4	Vốn ODA cấp phát theo cơ chế tài chính trong nước	85	Số vốn còn dư thuộc dự án Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2: Nhà lớp học bộ môn trường THPT Chợ Mới, huyện Chợ Mới (chủ đầu tư là Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh). Kinh phí còn dư sau quyết toán, thừa vốn, nguyên nhân do quá trình khảo sát, thiết kế, lập dự toán chưa sát, dẫn đến tổng mức đầu tư được phê duyệt cao hơn nhu cầu thực tế
II	Vốn sự nghiệp	4.112	
1.1	Chương trình mục tiêu Quốc gia	2.104	
-	<i>Kinh phí CTMTQG xây dựng nông thôn mới</i>	2.074	<ul style="list-style-type: none"> - 189 triệu đồng của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn do học viên bỏ học giữa khóa, không tham gia đầy đủ khi học nghề; tiết kiệm kinh phí qua đấu thầu khi mua sắm trang thiết bị đào tạo nghề. - 334 triệu đồng của Liên minh HTX tỉnh dư kinh phí do ảnh hưởng của dịch Covid -19 nên không tổ chức được các lớp tập huấn, đào tạo cho cán bộ Hợp tác xã. - 1.272 triệu đồng của Văn phòng điều phối nông thôn mới dư kinh phí do số lượng học viên không tham dự đủ các lớp tập huấn, nhu cầu thực tế của các HTX tham gia chương trình OCOP nhỏ hơn số kinh phí được hỗ trợ, các lớp tập huấn, học tập kinh nghiệm không tổ chức được do dịch Covid-19. - 183 triệu đồng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dư kinh phí thuộc nội dung chi đào tạo nghề nông nghiệp và tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, thành viên HTX. Do Học viên không tham dự đủ theo kế hoạch, bỏ học nên giảm kinh phí tiền ăn, nguyên liệu thực hành và các chi phí khác. - 01 triệu đồng của Sở Giáo dục và Đào tạo hết nhiệm vụ chi. - 29 triệu đồng của Sở Công thương hết nhiệm vụ chi.
-	<i>Kinh phí CTMTQG giảm nghèo bền vững</i>	30	Kinh phí đã hết nhiệm vụ chi của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do không chi trả hết nội dung chi công tác phí trong quá trình đi kiểm tra, đánh giá chương trình; không đủ số người đi kiểm tra, giám sát theo kế hoạch
1.2	Kinh phí dự án "An ninh y tế khu vực tiểu vùng mê công mở rộng" và Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra"	9	Kinh phí hết nhiệm vụ chi của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, dư của nội dung tập huấn do số học viên không đủ như đã đăng ký
1.3	Nguồn dự phòng NSTW	717	Kinh phí hết nhiệm vụ chi do quyết toán thừa vốn của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh (Kinh phí xây dựng các trạm y tế: Bình Trung, Mai Lạp, Dương Phong, Tân Sơn, Lương Bằng, Bằng Phúc; Kè chống sạt lở bờ sông thôn Nà Bò, xã Quân Hà, huyện Bạch Thông)

STT	Nội dung	Số tiền	Nội dung báo cáo, giải trình
1.4	Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số	308	Kinh phí hết nhiệm vụ chi của Sở Y tế do: Một số dự án không có đối tượng thụ hưởng (đối tượng không đủ điều kiện để được hưởng hoặc hết đối tượng được hỗ trợ); kinh phí chi hội nghị, tập huấn, xăng xe giảm do không tổ chức được vì dịch bệnh Covid;...
1.5	Kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm cho các đơn vị sử dụng lao động là người dtts ở vùng núi đặc biệt khó khăn	284	Kinh phí hết nhiệm vụ chi của Công ty TNHH Trường Thành Bắc Kạn, HTX Mạc Sâm, HTX Đại Hà, HTX dịch vụ nông nghiệp Hợp Giang do không có đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách
1.6	Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	111	Kinh phí hết nhiệm vụ chi của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội do tiết kiệm qua đấu thầu khi mua sắm thiết bị cho Cơ sở bảo trợ xã hội tỉnh
1.7	Chương trình mục tiêu Ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh	109	Kinh phí hết nhiệm vụ chi của Sở Tài nguyên và Môi trường, nguyên nhân: Các buổi Hội thảo lấy ý kiến của các sở, ngành và các huyện, do các đại biểu mời không tham dự đầy đủ theo danh sách mời nên không chi hết theo số kinh phí được duyệt.
1.8	Kinh phí thực hiện Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa	115	Kinh phí hết nhiệm vụ chi của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kinh phí giảm qua đấu thầu
1.9	Kinh phí CTMT công nghệ thông tin	20	Kinh phí hết nhiệm vụ chi của Sở Thông tin và Truyền thông
1.10	Kinh phí CTMT giáo dục-việc làm và an toàn lao động	34	Kinh phí hết nhiệm vụ chi của Trường Cao đẳng Bắc Kạn, kinh phí giảm qua đấu thầu
1.11	Hệ thống xử lý chất thải của trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm thực phẩm	50	Kinh phí hết nhiệm vụ chi của Sở Y tế do tiết kiệm qua đấu thầu
1.12	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ địa phương	41	Kinh phí hết nhiệm vụ chi của Sở Giao thông Vận tải, giảm phần chi phí xây lắp so với dự toán được duyệt
1.13	Kinh phí trợ giúp pháp lý theo Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg	67	Kinh phí hết nhiệm vụ chi của Sở Tư pháp do số vụ án trong năm giảm so với dự kiến, đồng thời một số vụ án có thời hạn giải quyết liên năm, kéo dài, nên kinh phí chi trả không sử dụng hết trong năm
1.14	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	4	Kinh phí hết nhiệm vụ chi của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do trong quá trình thực hiện không phát sinh nhiệm vụ chi
1.15	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật	27	
1.16	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo NĐ 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ	22	Kinh phí hết nhiệm vụ chi do đối tượng giảm, ngoài ra năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid nên học sinh không đi học đủ 9 tháng dẫn đến dư kinh phí
1.17	Chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo NĐ số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ	71	
1.18	Chính sách học bổng cho học sinh phổ thông dân tộc nội trú	20	Kinh phí hết nhiệm vụ chi của Sở Giáo dục và Đào tạo do đối tượng giảm

STT	Nội dung	Số tiền	Nội dung báo cáo, giải trình
C	Kinh phí đã phân bổ, còn dư do các nguyên nhân khác	12.926	
1.1	CTMT giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	7.063	Số còn dư chủ yếu thuộc kinh phí mua sắm trang thiết bị giáo dục. Ngày 03/11/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 và Thông tư 44/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6, các lớp khác chưa có hướng dẫn, nên Sở Giáo dục và Đào tạo không thực hiện được việc mua sắm trong năm 2020; kinh phí giảm trong qua trình thẩm định giá, qua đấu thầu mua sắm.
1.2	Kinh phí dự án "An ninh y tế khu vực tiểu vùng mê công mở rộng" và Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra"	2.110	Kinh phí còn dư của Sở Y tế: Năm 2020, Kế hoạch được phê duyệt có nội dung: Sửa chữa nhỏ phòng cách ly, phòng xét nghiệm và vệ sinh phòng chống nhiễm khuẩn. Tuy nhiên theo hướng dẫn của Bộ Y tế về việc Quy trình thực hiện gói thầu sửa chữa nhỏ, Dự án không chi trả các chi phí như: Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, chi phí thẩm tra thiết kế và dự toán, tư vấn thiết kế, chi phí tư vấn giám sát, chi phí tư vấn thẩm định; đồng thời, theo quy định, không được sử dụng vốn vay nước ngoài để nộp thuế, trả các loại phí, lãi suất tiền vay. Vì vậy, kinh phí phê duyệt cho hoạt động sửa chữa nhỏ phòng cách ly, phòng xét nghiệm và vệ sinh phòng chống nhiễm khuẩn ko thực hiện được.
1.3	Kinh phí khắc phục hậu quả do mưa đá	2.920	Kinh phí thu hồi của các huyện, thành phố. Nguyên nhân không chi được khi lập dự toán gửi Bộ Tài chính, tinh thống kê toàn bộ số hộ bị thiệt hại; kinh phí Bộ Tài chính cấp về cho tỉnh Bắc Kạn muộn nên một số hộ dân đã chủ động lợp fibro, sau khi có kinh phí tỉnh không hỗ trợ cho các hộ lợp fibro, chi hỗ trợ hộ lợp tôn nên kinh phí không chi trả được.
1.4	Kinh phí hỗ trợ Công ty lâm nghiệp có rừng tự nhiên phải tạm dừng khai thác theo Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ	682	Kinh phí còn dư của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bắc Kạn do diện tích rừng tự nhiên thực tế giảm so với kế hoạch nên không đủ điều kiện chi
1.5	Dự án bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa giới hành chính	151	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ của Sở Nội vụ. Nguyên nhân hủy dự toán kinh phí: Dự án cơ bản đã hoàn thành các hạng mục, tuy nhiên kết quả Dự án chưa được Bộ Nội vụ phê duyệt nên chưa thể thực hiện được các nội dung như: Hội nghị tổng kết, tập huấn chuyên giao công nghệ cho các xã, phường, thị trấn.